

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)****ĐỊA CHỈ : SỐ 2Bis 4-6 LÊ THÁNH TÔN, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2008****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****QUÍ 4 NĂM 2008**

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Quý 4            | Năm 2008          |
|----------------------------------------------------|-------|------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 444.530.010.653  | 1.854.577.151.876 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |                  |                   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | 444.530.010.653  | 1.854.577.151.876 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 372.786.658.577  | 1.542.968.229.761 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    | 71.743.352.076   | 311.608.922.115   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 57.041.398.637   | 169.388.680.944   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | 143.052.227.988  | 540.072.510.414   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    | 28.448.956.277   | 58.447.522.704    |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    | 1.297.250.635    | 3.172.447.030     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | 35.825.732.194   | 107.573.857.613   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    | (51.390.460.104) | (169.821.211.998) |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | 5.571.672.140    | 7.713.606.753     |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | 313.249.452      | 1.191.889.504     |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    | 5.258.422.688    | 6.521.717.249     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    | (46.132.037.416) | (163.299.494.749) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | 3.502.598.015    | 3.502.598.015     |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    | 71.203.194       | 71.203.194        |
| 17. Lợi ích cổ đông thiểu số                       | 53    | 1.852.836.518    | 1.852.836.518     |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    | (51.558.675.143) | (168.726.132.475) |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2009

---

Trương Như Nguyên  
Người lập biểu

---

Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng

---

Đỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc

